TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-PT
Ngày 21-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Yến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLPT-DS ngày 13/3/2023, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2022/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị N - sinh năm 1980; cư trú tại khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng C - sinh năm 1961; cư trú tại số 29 đường Tô Hiến Thành, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (viết tắt là VNI); địa chỉ tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 đường Hoàng Cầu, phường Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hà T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh Th - Phó phòng Bảo hiểm hàng hải Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và ông Thái Văn C1 - Cán bộ Ban Thư ký Pháp chế Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (viết tắt là Vietcombank); địa chỉ số 198 đường Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lệ A – Phó Trưởng phòng Quản lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi; địa chỉ số 345 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023).

2. Ông Nguyễn Hải Q - sinh năm 1979; cư trú tại khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tô Thị N - sinh năm 1980; cư trú tại khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2021).

- *Người kháng cáo:* Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không là bị đơn.

(Tất cả người tham gia tố tụng đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Tô Thị N (vừa là nguyên đơn, vừa là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hải Q) đại diện trình bày:*

Ngày 24/6/2019, bà cùng với Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi (viết tắt là VNI Quảng Ngãi) và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đức Phổ (viết tắt là Vietcombank - Phòng giao dịch Đức Phổ) ký Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm tàu cá số 3981900089/D03 (viết tắt là Hợp đồng bảo hiểm), với nội dung: VNI Quảng Ngãi nhận bán bảo hiểm cho tàu cá BĐ-97818-TS của bà với số tiền bảo hiểm thân tàu cá là 2.000.000.000 đồng; phí bảo hiểm là 17.400.000 đồng; điều kiện bảo hiểm: Điều kiện B; Quy tắc bảo hiểm tàu cá của VNI ban hành kèm theo Quyết định số 197/2019/QĐ-BHHK ngày 01/4/2019; thời hạn bảo hiểm là 12 tháng, từ 14 giờ 00 phút ngày 24/6/2019 đến 14 giờ 00 phút ngày 24/6/2020; mức khấu trừ 2,5% số tiền bồi thường/mỗi vụ tổn thất

nhưng không thấp hơn 1.000.000 đồng. Bà đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ cho VNI Quảng Ngãi.

Vào lúc 04 giờ 35 phút ngày 17/10/2019, tàu cá BĐ-97818-TS của bà làm thủ tục xuất bến tại Trạm kiểm soát biên phòng T và đến 10 giờ cùng ngày, tàu của bà nhổ neo, xuất bến để đi câu cá ngừ đại dương. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tàu của bà chạy ra đến đầu bờ kè thì gặp gió to liên tục đẩy dạt mũi tàu làm mất lái; tiếp đó, nhiều cơn sóng to đẩy tàu dạt vào bờ kè và gác mũi tàu lên cục bê tông chắn sóng làm vỡ nát tàu. Sau đó, bà con trên bờ quăng dây cho thuyền viên đu vào bờ. Hậu quả tàu cá BĐ-97818-TS của bà bị vỡ nát vụn, phần máy bị chìm ở khu vực đầu bờ kè (không xác định được chính xác vị trí), ván vỏ tàu vỡ nát sóng đánh trôi dạt.

Ngay sau khi tàu bị sự cố, cùng ngày 17/10/2019 bà đã làm đơn báo cáo đến Trạm Biên phòng, Cảng cá, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T Bắc và VNI Quảng Ngãi. Ngày 18/10/2019, VNI Quảng Ngãi cử Giám định viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giám định Trung Đông (viết tắt là Công ty Trung Đông) thực hiện việc giám định. Theo Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty Trung Đông đã kết luận tàu BĐ-97818-TS bị tổn thất toàn bộ. Đơn vị giám định hướng dẫn bà làm một số thủ tục yêu cầu bồi thường. Ngày 08/9/2020, VNI có văn bản số 1682/BHHK-TSKT-HH thông báo cho bà về việc từ chối bồi thường.

Theo Đơn khởi kiện, bà yêu cầu VNI bồi thường cho bà và ông Nguyễn Hải Q 2.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà rút yêu cầu đối với số tiền 50.000.000 đồng, chỉ yêu cầu VNI phải bồi thường cho bà và ông Q số tiền 1.950.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm.

** Theo Bản tự giải trình ngày 18/5/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Danh Th và ông Thái Văn C1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là VNI cùng trình bày:*

VNI thừa nhận giữa bà N với VNI Quảng Ngãi và Vietcombank - Phòng giao dịch Đức Phổ có ký Hợp đồng bảo hiểm như bà Tô Thị N trình bày là đúng.

Ngày 17/10/2019, bà N thông báo cho VNI Quảng Ngãi về việc tàu BĐ- 97818-TS bị tai nạn tại đầu bờ kè cửa biển T, huyện T, tỉnh Bình Định. Cùng ngày 17/10/2019, VNI đã chỉ định Công ty Trung Đông tiến hành giám định tổn thất. Ngày 07/01/2020, Công ty Trung Đông có Báo cáo giám định cuối cùng số 014BCCC/19TĐ về tổn thất tàu BĐ-97818-TS.

Trên cơ sở Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty Trung Đông, VNI đã có Công văn số 1682/BHHK-TSKT-HH ngày 08/9/2020 gửi bà N và Vietcombank – Phòng giao dịch Đức Phổ, theo đó VNI khẳng định không đủ cơ sở để xem xét, giải quyết bồi thường tổn thất vì lý do:

Thứ nhất: Tại điểm 3.3 Điều 3 của Hợp đồng bảo hiểm quy định hiệu lực bảo hiểm cũng tự động chấm dứt khi: Thuyền trưởng, Máy trưởng và các biên chế khác của tàu không có đầy đủ bằng cấp theo quy định của pháp luật; Điều 10 Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản (viết tắt là Thông tư số 22) quy định định biên an toàn tối thiểu thuyền viên tàu cá thì đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét phải có 01 Thợ máy, nhưng tàu cá của bà N không bố trí Thợ máy theo quy định; tại thời điểm bà N khởi kiện, Thông tư số 22 vẫn đang còn hiệu lực; Công văn số 1946/TCTS-PCTTr ngày 03/9/2019 của Tổng cục Thủy sản không phải là văn bản quy phạm pháp luật, không thể phủ nhận các quy định của Thông tư số 22. Mặt khác, Chi cục Thủy sản Bình Định vẫn có Công văn số 667/TS-KT ngày 12/7/2020, có nội dung: Lưu ý thực hiện định biên thuyền viên và các chức danh của thuyền viên trên tàu như sau ghi đầy đủ họ tên và chức danh của các thuyền viên trên tàu cá có xác nhận của cơ quan chức năng; với các thuyền viên có chức danh Thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy, phải ghi đầy đủ số bằng cấp, ngày cấp.

Thứ hai: Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam (viết tắt là Nghị định số 05) quy định: Chủ sở hữu tài sản chìm đắm có trách nhiệm bảo quản tài sản của mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Bà N đã không thực hiện việc bảo quản tài sản chìm đắm, cụ thể không thuê người bảo vệ, không trục vớt tàu ngay dẫn đến việc tàu bị chìm đắm hoàn toàn.

Việc bà N không bảo quản tàu còn thể hiện ở việc bà vi phạm các quy định khác của Nghị định số 05 liên quan đến việc trục vớt xác tàu, cụ thể: Chủ tàu đã không thực hiện việc thông báo về tài sản chìm đắm cho Cảng vụ hàng hải tại khu vực đối với tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam (điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 05); chủ tàu đã không trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm (điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 05); trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tài sản bị chìm đắm hoặc từ ngày nhận được thông báo theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 8 của Nghị định này, chủ sở hữu tài sản chìm đắm phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này về dự kiến thời gian bắt đầu, kết thúc việc trục vớt và trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm (điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 05). Việc bà N vi phạm các quy định của Nghị định số 05 dẫn đến việc không trục vớt kịp thời tài sản, nhằm giảm thiểu thiệt hại.

Ngoài ra, cùng thời điểm tàu của bà N ra khơi thì có nhiều tàu thuyền khác cũng ra khơi bình thường, thời tiết bình thường, không có bão, không có áp thấp nhiệt đới; chủ tàu có sự chuẩn bị về dây và người quay video; tại thời điểm chìm tàu có chở 8.000 lít dầu, nhưng không có vết dầu loang tại vị trí chìm tàu; theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá thì công suất tàu của bà N là 900CV, lắp đặt 02 máy (01 máy 500CV, 01 máy 400CV). Khi xuất bến, chỉ chạy một máy; vào thời điểm tàu gặp sóng to gió lớn, không có Thợ máy nên không khai thác hết công suất máy, chỉ chạy 01 máy nên khi gặp sóng to gió lớn đã mất lái, bị sóng đánh dạt vào bờ kè. Bà N yêu cầu bồi thường 2.000.000.000 đồng là không đúng vì bà N tham gia bảo hiểm dưới giá trị. Theo quy định, chỉ được bồi thường theo tỷ lệ nếu thuộc phạm vi bảo hiểm. Ngoài ra, còn có quy định khấu trừ 2,5% số tiền bồi thường. Ngày 17/10/2019, tại khu vực Bình

Định có gió cấp 3, cấp 4 thì được xem là không phải gió lớn, không phải là sự kiện bất khả kháng. VNI không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị N.

** Tại Bản trình bày ngày 12/8/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Vietcombank do bà Nguyễn Thị Lệ An đại diện trình bày:*

Ông Nguyễn Hải Q, bà Tô Thị N có vay tiền của Vietcombank – Phòng giao dịch Đức Phổ. Trong số tài sản bảo đảm có tàu cá BĐ-97818-TS. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà N thực hiện trả nợ đúng theo hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 17/10/2019 tàu cá của bà N gặp tai nạn và bị chìm, nên từ ngày 26/11/2019 đến nay, ông Q và bà N không trả nợ đúng hạn cho Vietcombank – Phòng giao dịch Đức Phổ. Trong quá trình thu hồi nợ vay, Vietcombank – Phòng giao dịch Đức Phổ phối hợp tốt với ông Q, bà N cung cấp các tài liệu cho VNI; phối hợp với VNI để hoàn thiện các thủ tục bồi thường thiệt hại. Tính đến ngày 08/12/2022, ông Q và bà N còn nợ Vietcombank 1.313.513.349 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 908.953.965 đồng, tiền lãi trong hạn là 293.422.903 đồng, tiền lãi quá hạn 111.136.481 đồng. Vietcombank đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Vietcombank đề nghị được thụ hưởng số tiền bồi thường.

** Bản án số 70/2022/DS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:*

1. Buộc VNI bồi thường cho bà Tô Thị N, ông Nguyễn Hải Q số tiền bảo hiểm 1.950.000.000 đồng.

2. Vietcombank được thụ hưởng số tiền mà VNI bồi thường cho bà N tương ứng với số tiền mà bà N, ông Q còn nợ tính đến thời điểm thanh toán nợ vay theo cam kết chuyển quyền thụ hưởng tại Hợp đồng bảo hiểm.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 26/12/2022 và ngày 19/01/2023, VNI có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc khấu trừ giá trị tài sản đã trục vớt được với số tiền 50.000.000 đồng vào số tiền mà VNI phải bồi thường cho bà N, ông Q.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp

phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của VNI, sửa Bản án sơ thẩm số 70/2022/DS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thống nhất giá trị tài sản trục vớt là 50.000.000 đồng; khấu trừ vào số tiền bảo hiểm; buộc VNI phải bồi thường cho bà Tô Thị N, ông Nguyễn Hải Q số tiền bảo hiểm còn lại là 1.900.000.000 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử vụ án. Ngày 26/12/2022, VNI có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

[2] Các đương sự đều thừa nhận và thống nhất: Ngày 24/6/2019, giữa bà N và VNI Quảng Ngãi cùng với Vietcombank - Phòng giao dịch Đức Phổ có ký Hợp đồng về việc VNI Quảng Ngãi bán bảo hiểm cho tàu cá BĐ-97818-TS (viết tắt là tàu cá) của bà N với số tiền bảo hiểm thân tàu cá là 2.000.000.000 đồng; phí bảo hiểm là 17.400.000 đồng; điều kiện bảo hiểm: Điều kiện B; Quy tắc bảo hiểm tàu cá của VNI ban hành kèm theo Quyết định số 197/2019/QĐ-BHHK ngày 01/4/2019; thời hạn bảo hiểm là 12 tháng, từ 14 giờ 00 phút ngày 24/6/2019 đến 14 giờ 00 phút ngày 24/6/2020; mức khấu trừ 2,5% số tiền bồi thường/mỗi vụ tổn thất, nhưng không thấp hơn 1.000.000 đồng; bà N đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ cho VNI Quảng Ngãi; người thụ hưởng là Vietcombank - Phòng giao dịch Đức Phổ; ngày 17/10/2019, tàu cá bị tai nạn và thống nhất Báo cáo giám định cuối cùng số 014BCCC/19TĐ (viết tắt là Báo cáo giám định) về tổn thất tàu cá của Công ty Trung Đông. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Việc bị đơn cho rằng chủ tàu (bà Tô Thị N) không bố trí Thợ máy khi tàu cá tham gia hoạt động khai thác thủy sản theo quy định tại Thông tư số 22, thì thấy rằng: Tại thời điểm tàu cá bị tai nạn, Thông tư số 22 đang có hiệu lực. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 22 quy định chức danh, định biên thuyền viên an toàn tối thiểu trên tàu cá thì tàu cá của bà N thuộc nhóm II (tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m) phải có 01 Thợ máy. Tuy nhiên, thực tế chưa có cơ sở đào tạo Thợ máy. Nhận thấy, Thông tư số 22 có sự bất cập về bố trí định biên cho tàu cá nhóm II mà các địa phương không thể thực hiện được nên đã phản hồi và được Tổng cục Thủy sản (là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành có chức năng quản lý, tham mưu trong lĩnh vực thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

hướng dẫn, chỉ đạo. Theo đó, ngày 03/9/2019 Tổng cục Thủy sản đã có văn bản số 1946/TCTS-PCTTr về việc giải đáp một số vướng mắc trong triển khai Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn Luật cho các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố, trong đó có nội dung: *Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp thu và sẽ rà soát để xem xét, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22. Tuy nhiên, để hoạt động khai thác của ngư dân không bị gián đoạn, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Sổ danh bạ thuyền viên, trước mắt không đề cập đến các chức danh còn thiếu nêu trên* là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 42 Thông tư số 22 quy định trách nhiệm của Tổng cục Thủy sản là: *Chủ trì, tổ chức hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện quy định về chức danh, định biên thuyền viên tàu cá* ... Ngày 17/10/2019, Chi cục Thủy sản Bình Định đã cấp Sổ danh bạ thuyền viên cho tàu cá của bà N không có chức danh Thợ máy. Ngày 18/01/2022, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản (viết tắt là Thông tư số 01), trong đó có Thông tư số 22, cụ thể tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01 quy định về chứng chỉ chuyên môn Thuyền trưởng, Thuyền phó, Máy trưởng và Thợ máy tàu cá đối với tàu cá thuộc nhóm II không có chức danh Thợ máy, là phù hợp với tinh thần hướng dẫn tại văn bản số 1946/TCTS-PCTTr ngày 03/9/2019 của Tổng cục Thủy sản.

[3.2] VNI kháng cáo cho rằng khi xảy ra tai nạn, bà N không thông báo cho Cảng vụ hàng hải tại khu vực đối với tài sản chìm đắm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam (viết tắt là Nghị định số 05), thì thấy rằng: Theo Quyết định số 522/QĐ-BGTVT ngày 20/4/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam, thì cảng cá T không có trong Danh mục được công bố, nên không thuộc thẩm quyền quản lý của Cảng vụ hàng hải, mà thuộc quyền quản lý của Ban quản lý cảng cá T theo Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc công bố mở cảng cá. Do đó, khi tàu cá bị tai nạn tại vị trí đầu bờ kè cảng cá T, bà N đã thông báo cho Ban quản lý cảng cá T, UBND xã T Bắc và Trạm kiểm soát Biên phòng T (bút lục 21, 23) là đúng với quy định tại khoản 9 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 3710/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về ban hành Quy chế quản lý cảng cá trên địa bàn tỉnh Bình Định. Mặt khác, căn cứ các Luật được viện dẫn trong Nghị định số 05, không có căn cứ Luật Thủy sản nên tàu cá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 05. Do đó, việc VNI cho rằng bà N không thông báo cho Cảng vụ hàng hải khi tàu cá bị tai nạn chìm đắm theo quy định tại Nghị định số 05 là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] VNI còn cho rằng theo quy định tại điểm 3.3 Điều 3 của Hợp đồng bảo hiểm quy định về hiệu lực của bảo hiểm tự động chấm dứt khi *...Thuyền trưởng, Máy trưởng và các biên chế khác của tàu không có đầy đủ bằng cấp theo quy định của pháp luật...*, là một trong những căn cứ VNI từ chối bồi thường, thì thấy rằng: VNI thừa nhận tại thời điểm tàu cá xảy ra tai nạn, trên tàu cá có chức danh Thuyền trưởng

và Máy trưởng, nhưng không có chức danh Thợ máy. Như nhận định trên, tại thời điểm tàu cá xảy ra tai nạn, không có chức danh Thợ máy là phù hợp văn bản hướng dẫn số 1946/TCTS-PCTTr ngày 03/9/2019 của Tổng cục Thủy sản và Sổ danh bạ thuyền viên do Chi cục Thủy sản Bình Định cấp ngày 17/10/2019. Do đó, VNI cho rằng Hợp đồng tự động chấm dứt hiệu lực khi thiếu chức danh Thợ máy là không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

[3.4] VNI còn từ chối bồi thường với lý do: *Công tác bảo quản của chủ tàu đối với tài sản bị chìm đắm không được thực hiện, dẫn đến việc trục vớt thực hiện không hiệu quả, mất tài sản, cụ thể: Chủ tàu không trình phương án và tổ chức trục vớt tài sản chìm đắm; chủ tàu khai báo có 8.000 lít dầu trên tàu nhưng khi tàu bị sóng đánh vào bờ kè, chủ tàu không thông báo cho các cơ quan có liên quan để thực hiện việc chống tràn dầu, ô nhiễm môi trường* ..., thì thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất với Báo cáo giám định. Tại trang 6, 7 của Báo cáo giám định (bút lục 155, 156) thể hiện: *Từ ngày 19/11 đến ngày 18/12/2019 gió mùa về liên tục, sóng biển lớn nên không triển khai được công việc lặn tìm kiếm xác tàu; đến ngày 19/12/2019 mới thực hiện được việc tìm kiếm*; Báo cáo giám định cũng đã kết luận tàu cá đã bị tổn thất toàn bộ. Tại phiên tòa phúc thẩm, VNI xác định tại cấp sơ thẩm VNI không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để làm rõ có việc bà N khai báo gian dối để trục lợi bảo hiểm. Mặt khác, 8.000 lít dầu không thuộc hạng mục thân tàu nên không thuộc phạm vi bảo hiểm bồi thường (bút lục 152), nên việc VNI cho rằng việc bà N khai báo gian dối 8.000 lít dầu để trục lợi bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

[3.5] VNI cho rằng bà N tham gia bảo hiểm tài sản dưới giá trị nên trường hợp VNI phải bồi thường thì phải tính theo tỉ lệ quy định tại Điều 43 Luật kinh doanh bảo hiểm, thì thấy rằng: Theo Hợp đồng bảo hiểm thì điều kiện bảo hiểm là điều kiện B. Tại điểm 2.2 mục 2 (bút lục 190) của Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá (viết tắt là Quy tắc bảo hiểm) ban hành kèm theo Quyết định số 197/2019/QĐ-BHHK ngày 01/4/2019 của VNI thì ***VNI nhận trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ*** (thực tế và ước tính) đối với thân tàu được bảo hiểm là hậu quả gây ra bởi những nguyên nhân trực tiếp sau đây ....*đâm va vào đá, kè, cầu cảng* ...Theo Báo cáo giám định đã kết luận: ... *sóng lớn làm tàu va đập mạnh vào đỉnh các khối tetrapod gây vỡ nát vỏ tàu...* Ngoài ra, tại điểm 12.7 mục 12 (bút lục 180) của Quy tắc bảo hiểm quy định về mức khấu trừ, thì không có quy định người tham gia bảo hiểm dưới giá trị khi bồi thường sẽ tính theo tỉ lệ theo quy định tại Điều 43 Luật kinh doanh bảo hiểm mà VNI viện dẫn. Do đó, cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của VNI.

[3.6] Tất cả các căn cứ mà VNI đưa ra để từ chối bồi thường được nhận định từ mục [3.1] đến [3.5] đều không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định tại mục 5 của Quy tắc bảo hiểm, nên không được chấp nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của VNI, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.7] VNI còn kháng cáo trường hợp tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm của VNI thì tiền bán các tài sản được tìm thấy phải được trừ vào số tiền mà VNI phải bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm, thì thấy rằng:

Theo quy định tại điểm 12.5.2 mục 12 của Quy tắc bảo hiểm (bút lục 180) quy định: *Khi đã bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu, VNI được quyền sở hữu, thu hồi và xử lý xác tàu đó trừ trường hợp VNI từ chối quyền này.* Tại phiên tòa phúc thẩm, VNI thừa nhận tại Tòa án cấp sơ thẩm, VNI không yêu cầu khấu trừ giá trị các tài sản được tìm thấy, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm thì *Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo ....*. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận giá trị các tài sản được tìm thấy được thể hiện tại Báo cáo giám định (bút lục 155) gồm: Chân vịt (mẻ một cánh) + trục chân vịt (bứt bu lông tại mặt bích nối với bích hộp số), ½ long cốt (sống chính), 01 vô lăng, ống khói máy chính với tổng số tiền 50.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền bảo hiểm. Xét việc thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

[3.8] VNI cho rằng căn cứ Biên bản giám định hiện trường ngày 18/10/2019 (bút lục 144 - 146) tại phần khuyến nghị có nội dung: *Đề nghị chủ tàu có kế hoạch trục vớt phần máy chính + chân vịt...* để cho rằng *đã tìm thấy máy phụ*, nên yêu cầu được khấu trừ vào số tiền mà VNI phải bồi thường, trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, thì thấy rằng: Tại trang 7 của Báo cáo giám định (bút lục 155) thể hiện, chỉ tìm thấy: *Chân vịt (mẻ một cánh) + trục chân vịt (bứt bu lông tại mặt bích nối với bích hộp số), ½ long cốt (sống chính), 01 vô lăng, ống khói máy chính,* ***không thể hiện tìm thấy máy phụ***. Do đó, việc VNI căn cứ Biên bản giám định hiện trường ngày 18/10/2019 và Báo cáo giám định xác định không tìm thấy máy chính, để suy luận cho rằng đã tìm thấy máy phụ là không có cơ sở chấp nhận.

[3.9] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

[4.1] Do sửa bản án sơ thẩm để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên VNI phải chịu 69.000.000 đồng [1.900.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (1.100.000.000 đồng x 3%) = 36.000.000 đồng + 33.000.000 đồng] án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N 36.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số AA/2018/0006996 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[4.3] VNI phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004411 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. VNI đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 156, 318, 357, 404, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 15, 17, 21, 28, 30, 46 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không; sửa bản án số 70/2022/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Tô Thị N: Buộc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không bồi thường cho bà Tô Thị N, ông Nguyễn Hải Q số tiền bảo hiểm 1.950.000.000 đồng *(một tỷ, chín trăm năm mươi triệu)*.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc khấu trừ giá trị các tài sản đã trục vớt được gồm: Chân vịt (mẻ một cánh) + trục chân vịt (bứt bu lông tại mặt bích nối với bích hộp số), ½ long cốt (sống chính), 01 vô lăng, ống khói máy chính với tổng số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu)* vào số tiền mà Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phải bồi thường cho bà Tô Thị N và ông Nguyễn Hải Q. Sau khi khấu trừ, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không bồi thường cho bà Tô Thị N, ông Nguyễn Hải Q số tiền bảo hiểm 1.900.000.000 đồng *(một tỷ, chín trăm triệu)*.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được thụ hưởng số tiền mà Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không bồi thường cho bà Tô Thị N, ông Nguyễn Hải Q tương ứng với số tiền mà bà Tô Thị N, ông Nguyễn Hải Q còn nợ tính đến thời điểm thanh toán nợ vay theo cam kết chuyển quyền thụ hưởng tại Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm tàu cá ngày 26/4/2019 giữa bà Tô Thị N, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đức Phổ.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị N đối với số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu)*.

5. Về án phí:

5.1. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phải chịu 69.000.000 đồng *(sáu mươi chín triệu)* án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bà Tô Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Tô Thị N 36.000.000 đồng *(ba mươi sáu triệu)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số AA/2018/0006996 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5.3. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* theo Biên lai số 0004411 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan